

## TÍNH CHỦ ĐỘNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ HIỆN NAY

Võ Nữ Hải Yến

Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

Email: haiyen.xhh@gmail.com

### TÓM TẮT

*Xây dựng kế hoạch học tập là một kỹ năng hết sức quan trọng và cần thiết đối với mỗi người học, nhất là trong đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay. Việc lập kế hoạch học tập bao gồm nhiều hoạt động như: lập thời gian biểu; tìm phương pháp học phù hợp; tìm đọc giáo trình, tài liệu tham khảo; chuẩn bị bài trước khi đến lớp; dành thời gian cho việc tự học.... Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn sinh viên trường Đại học Khoa học vẫn chưa tích cực, khá thụ động trong quá trình xây dựng kế hoạch học tập. Để giúp sinh viên tăng cường tính chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, cần phải có sự nỗ lực từ nhiều phía: từ bản thân của người học, từ phương pháp giảng dạy và đánh giá của giảng viên đến công tác quản lý của các khoa, phòng ban chức năng trong toàn trường.*

**Từ khóa:** chủ động, kế hoạch học tập, sinh viên.

### 1. MỞ ĐẦU

Xây dựng kế hoạch là một quá trình ấn định những mục tiêu và xác định biện pháp tốt nhất để thực hiện được những mục tiêu đó. Khoa học tâm lý sư phạm cho rằng, để đạt kết quả cao trong học tập, mỗi người học cần phải biết xây dựng kế hoạch học tập riêng phù hợp với bản thân. Nếu không có kế hoạch thì không làm chủ được thời gian, nhất là khi có điều gì bất trắc xảy đến [3, tr. 43]. Do đó, việc lập kế hoạch là một kỹ năng hết sức quan trọng và cần thiết đối với mỗi người học, nhất là trong đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay, bởi nó sẽ giúp sinh viên làm việc có khoa học, chủ động về thời gian, xác định được mục tiêu và có những giải pháp phù hợp để thực hiện mục tiêu đó một cách tốt nhất và điều đó chắc chắn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của họ.

Tuy nhiên, trên thực tế, trong quá trình học tập, sinh viên trường Đại học Khoa học đã thực sự chủ động, tích cực trong việc xây dựng kế hoạch cho bản thân mình hay chưa? Những phân tích dưới đây sẽ mô tả thực trạng này và trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp thích hợp nhằm giúp sinh viên phát huy tính chủ động trong việc lập kế hoạch học tập, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Bài viết này dựa trên kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở “*Thực trạng và giải pháp nâng cao tính chủ động của sinh viên trong đào*

tạo tín chỉ ở trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay”. Nghiên cứu được thực hiện tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế từ tháng 1/2014 đến tháng 2/2015. Bằng phương pháp chọn mẫu cụm nhiều giai đoạn trong phân tích xã hội học, nghiên cứu này đã tiến hành điều tra trên 160 sinh viên thuộc 2 khóa K36 và K37 của 3 khoa: Ngữ văn, Hóa học, Khoa học môi trường và Bộ môn Công tác xã hội.

## 2. NỘI DUNG

Việc xây dựng kế hoạch học tập bao gồm nhiều hoạt động, đó không chỉ đơn thuần là việc lập thời gian biểu mà còn gồm cả các công tác chuẩn bị để tiếp thu bài học như: dành thời gian cho việc tự học; tìm phương pháp học phù hợp với từng môn học; tìm đọc giáo trình, tài liệu do giáo viên hướng dẫn; chủ động đọc tài liệu tham khảo; lên thư viện đọc tài liệu; chuẩn bị bài trước khi đến lớp.... Những phân tích dưới đây sẽ mô tả cụ thể về việc thực hiện các hành vi này của sinh viên để qua đó thấy được mức độ chủ động của họ trong quá trình xây dựng kế hoạch học tập.

### 2.1. Dành thời gian cho việc tự học

Hình thức tổ chức dạy học trong phương thức tín chỉ quy định hoạt động tự học của sinh viên như là một thành phần bắt buộc trong thời khóa biểu và là một nội dung quan trọng của đánh giá kết quả học tập. Hoạt động dạy - học theo tín chỉ được tổ chức theo ba hình thức: lên lớp, thực hành và tự học. Trong ba hình thức tổ chức dạy học này, hai hình thức đầu được tổ chức có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên (giảng viên giảng bài, hướng dẫn; sinh viên nghe giảng, thực hành, thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên...), hình thức thứ ba có thể không có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên (giảng viên giao nội dung để sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tự thực hành và sẵn sàng tư vấn khi được yêu cầu). Ba hình thức tổ chức dạy học tương ứng với ba kiểu giờ tín chỉ: giờ tín chỉ lên lớp, giờ tín chỉ thực hành và giờ tín chỉ tự học.

**Bảng 1.** Hình thức tổ chức thực hiện một giờ tín chỉ

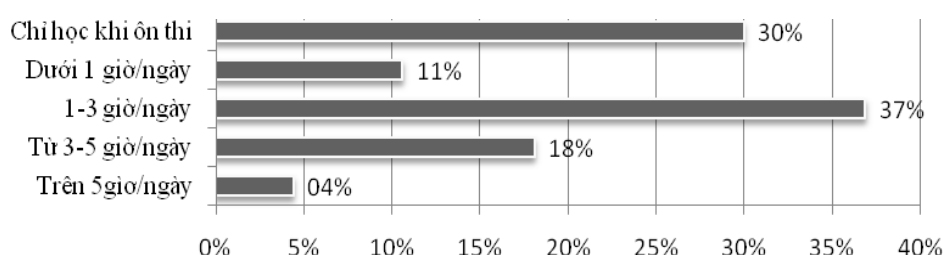
| TT | Hình thức tổ chức dạy học | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, seminar | Tự học   |               | Tổng |
|----|---------------------------|-----------|--------------------------------|----------|---------------|------|
|    |                           |           |                                | Chuẩn bị | Tự nghiên cứu |      |
|    | Giờ tín chỉ               |           |                                |          |               |      |
| 1  | Giờ Lý thuyết             | 1         |                                | 2        |               | 3    |
| 2  | Giờ Thực hành             |           | 2                              | 1        |               | 3    |
| 3  | Giờ Tự học                |           |                                |          | 3             | 3    |

(Nguồn: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tùy thuộc tính chất đặc thù của từng môn học (mục tiêu, nội dung môn học) mà có các hình thức tổ chức dạy - học khác nhau. Có những môn học chỉ có một kiểu giờ tín chỉ, nhưng có những môn học có hai hoặc cả ba kiểu giờ tín chỉ. Trong mọi trường hợp, công thức tính cho

mỗi môn học là không đổi: 1+0+2 (môn học thuần lý thuyết); 0+2+1 (môn học thuần thực hành); 0+0+3 (môn học thuần tự học) [1, tr. 1-2].

Cách tổ chức thực hiện một giờ tín chỉ cho chúng ta thấy một đặc điểm rất quan trọng góp phần tạo nên sự khác biệt với phương thức đào tạo truyền thống. Nếu hoạt động tự học trong học chế niên chế chỉ mang tính chất tự nguyện thì phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ coi tự học là một thành phần hợp pháp và bắt buộc phải có trong hoạt động học tập của sinh viên. Để học được 1 giờ lý thuyết hay 2 giờ thực hành, thực tập trên lớp sinh viên cần phải có 2 hay 1 giờ chuẩn bị ở nhà. Đó là yêu cầu bắt buộc trong cơ cấu giờ học của sinh viên. Vậy, sinh viên trường Đại học Khoa học dành thời gian cho việc tự học như thế nào?



**Hình 1.** Thời gian sinh viên trường Đại học Khoa học dành cho việc tự học

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2014)

Kết quả xử lý số liệu ở hình 1 cho thấy, có 36,9% sinh viên được hỏi trả lời rằng họ dành 1-3 giờ/ngày để tự học, 30% sinh viên chỉ học khi ôn thi, 18,1% học từ 3-5 giờ/ngày, 10,6% học dưới 1 giờ/ngày và chỉ có 4,4% dành thời gian tự học trên 5 giờ/ngày.

Theo quy định của học chế tín chỉ, cứ mỗi giờ trên lớp (lý thuyết), sinh viên cần phải có 2 giờ tự học ở nhà. Hiện nay, trung bình mỗi ngày, sinh viên có 2-3 tiết học ở lớp, như vậy, nếu theo nguyên tắc này thì sinh viên phải tự học 4-6 giờ/ngày, nhưng theo khảo sát trên thì chỉ có khoảng 20% sinh viên sử dụng thời gian tự học một cách hợp lý, còn phần đông sinh viên vẫn chưa chú trọng dành thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

Đáng chú ý là có đến 30% sinh viên khi được hỏi đã trả lời rằng, chỉ khi nào chuẩn bị thi họ mới bắt đầu học bài. Một nữ sinh viên đã phản ánh: *“Vì không bị kiểm tra thường xuyên nên nhiều bạn có tâm lý ỷ lại, không học lúc này thì học lúc khác, đến kỳ thi học cũng không muộn. Có nhiều bạn cả học kỳ không chịu học bài, đến tận ngày thi mới học vội, học vẹt, thậm chí không thêm học bài, trước lúc đi thi thủ sẵn tài liệu vào phòng chép”* (Sinh viên, nữ, Công tác xã hội K36). Trong quá trình học tập, nếu sinh viên xác định động cơ học là để thi chứ không phải để trau dồi kiến thức cho bản thân thì đó chỉ là động cơ bên ngoài, động cơ này chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, không có tính thúc đẩy cao để hướng người học vào các hoạt động phù hợp và thái độ đúng đắn, và từ đó, tất yếu sẽ dẫn đến hệ quả là sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong quá trình học tập.

Kết quả khảo sát sinh viên ở một số trường đại học khác cũng cho kết quả tương tự, chỉ có 18,3% sinh viên của trường Đại học Cần Thơ sử dụng từ 4-6 giờ/ngày để tự học [2, tr. 76]. Hơn một nửa số sinh viên năm nhất trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh khi được hỏi đều trả lời rằng họ chỉ học bài trước khi thi [4, tr. 37]. 55,3% sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh cho biết họ không duy trì được thời gian tự học trong tuần [9, tr. 1].

Những số liệu trên đã cho thấy rằng, sự thiếu tích cực, tự giác và thậm chí “chây ỳ”, “phó mặc” trong học tập là một thực trạng đang tồn tại trong một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay. Kiến thức của mỗi môn học được phát triển thông qua những tìm tòi của người học dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên. Nếu sinh viên không tự giác, chủ động luyện tập, nghiên cứu thì họ mới chỉ lĩnh hội được 1/3 khối lượng kiến thức của môn học và như vậy đồng nghĩa với việc họ không đạt được yêu cầu của môn học đó và chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập.

## 2.2. Lập thời gian biểu học tập

Biểu hiện đầu tiên trong xây dựng kế hoạch học tập là việc lập thời gian biểu. Học ở đại học khác với cách học ở phổ thông, ở đại học thường không có kiểm tra hàng ngày, do đó, sinh viên phải tự đặt kế hoạch học tập cho chính bản thân mình và yêu cầu tính tự giác nghiêm túc thực hiện kế hoạch đó.

Trước đây, trong phương thức đào tạo theo niên chế, căn cứ vào thời khóa biểu, sinh viên tuân thủ theo một chương trình do nhà trường định sẵn của từng học kỳ, từng năm học, từng khóa học. Hiện nay, khi chuyển sang phương thức đào tạo theo tín chỉ, kế hoạch học tập cụ thể phụ thuộc vào chính bản thân người học. Sinh viên có nhiệm vụ và quyền được lựa chọn môn học, thời gian học, tiến trình học tập nhanh, chậm phù hợp với điều kiện của mình. Nếu sinh viên thường xuyên lập thời gian biểu cho việc học tập một cách khoa học thì hoạt động học sẽ đạt hiệu suất cao và đem lại sự thỏa mãn về tinh thần. Vì vậy, người học cần phải sử dụng thời gian một cách tiết kiệm và hiệu quả, bằng cách phân phối công việc khoa học, hợp lý.

**Bảng 2.** Mức độ lập thời gian biểu học tập của sinh viên

| TT | Mức độ        | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|----|---------------|------------------|-----------|
| 1  | Thường xuyên  | 25               | 15.6      |
| 2  | Thỉnh thoảng  | 69               | 43.1      |
| 3  | Hiếm khi      | 54               | 33.8      |
| 4  | Không bao giờ | 12               | 7.5       |
| 5  | Tổng          | 160              | 100.0     |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2014)

Kết quả bảng 2 cho thấy, trong số 160 sinh viên được hỏi có 15,6% thường xuyên lập thời gian biểu cho việc học tập, gần một nửa (43,1%) tự nhận rằng mình làm việc này ở mức độ thỉnh thoảng, 33,8% hiếm khi thực hiện và 7,5% không bao giờ lập thời gian biểu. Khi xử lý tương quan giữa việc lập thời gian biểu với các biến giới tính, năm học, khóa học, ngành học

cũng không cho thấy sự khác biệt nhiều. Điều đó đã chứng tỏ rằng, một bộ phận đáng kể sinh viên trường Đại học Khoa học vẫn chưa có sự quan tâm, chú ý đúng mức đến việc sắp xếp thời gian cho quá trình học tập.

Thực tế, tình trạng nhiều sinh viên hiện nay thực hiện các nhiệm vụ học tập còn mang tính tùy tiện, gặp đâu học đó, chưa hình dung được toàn bộ công việc mình đang và sẽ làm như thế nào không chỉ riêng trong mẫu chúng tôi khảo sát. Ở một nghiên cứu của tác giả Phạm Công Khanh trên 448 sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội cũng đã cho thấy, chỉ có 29,2% sinh viên cho rằng mình đã lập thời gian biểu học tập và cố gắng thực hiện đúng thời gian biểu [8, tr. 2].

Một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này phải kể đến là tâm lý thoải mái và cần được “xả hơi” của nhiều sinh viên khi mới bước chân vào giảng đường đại học. Một sinh viên khoa Môi trường cho biết: *“Hồi học 12 bài tập nhiều, thầy cô kiểm tra bài cũ thường xuyên, lại áp lực thi cử nên học hành quá vất vả. Giờ vào đại học rồi nên em cũng tự cho phép mình “chùng” xuống một chút, thoải mái giờ giấc với bản thân một chút. Thỉnh thoảng vào đầu học kỳ cũng quyết tâm lên thời gian biểu nhưng rồi lý do này, lý do khác nên hình như cũng chưa thực hiện được ngày nào”* (Sinh viên, nam, Khoa học môi trường, K37).

Bên cạnh đó, cùng với vô vàn lý do khác nhau nữa nên dường như đối với không ít sinh viên, lập thời gian biểu cho việc học tập đã bị xem nhẹ, thậm chí không quan tâm. Một nữ sinh khoa Công tác xã hội bày tỏ: *“Cho đến hiện tại là sinh viên năm thứ 3 nhưng nói thật là mình vẫn tự học theo cảm hứng nhiều hơn là lên thời gian biểu để học, việc lập thời gian biểu thường áp dụng khi sắp tới kỳ thi thôi”* (Sinh viên, nữ, khoa Công tác xã hội, K36).

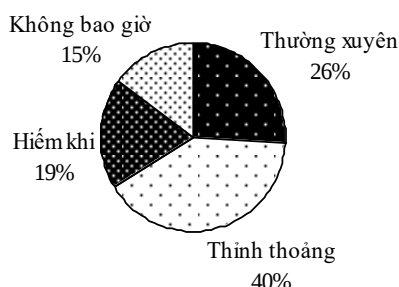
Và hệ quả của việc không sắp xếp, phân chia thời gian học tập sẽ dẫn đến tình trạng rất nhiều sinh viên *“nước đến chân mới nhảy”*, trước khi thi học vội vàng, gấp rút khiến cho bản thân cảm thấy căng thẳng, mệt mỏi, thời gian không đủ, tất yếu sẽ *“nhớ không sâu, hiểu không kỹ”*, *“học trước quên sau”* và những kiến thức đã học khó có thể giúp sinh viên đạt kết quả cao trong học tập và vận dụng vào thực tiễn. Hơn thế nữa, kiểu học nhồi nhét đó còn gây ra tình trạng *“ức chế tự vệ”* làm nảy sinh tâm trạng chán ghét học tập ở sinh viên.

### 2.3. Lựa chọn phương pháp học phù hợp

Khối lượng kiến thức giảng dạy ở bậc đại học là vô cùng lớn, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập cũng khác xa bậc học phổ thông. Vì vậy, sinh viên phải chủ động trong việc tìm ra cho mình cách thức, phương pháp học hiệu quả, từ đó, giúp họ dễ dàng hơn trong việc tiếp thu kiến thức, tìm tòi, khám phá để chiếm lĩnh tri thức. Nếu người học tìm được phương pháp học đúng sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy tiềm năng vốn có trong mỗi người, làm cho kết quả học tập tăng lên.

Mỗi môn học có những yêu cầu khác nhau với những mục tiêu khác nhau. Do đó, để học tốt, người học phải biết tự tìm ra những cách thức, phương pháp học tập riêng phù hợp với

năng lực, điều kiện của bản thân và phù hợp với từng môn học để có cách thức hành động phù hợp nhằm đạt mục tiêu hoạt động học



**Hình 2.** Mức độ lựa chọn phương pháp học phù hợp với từng môn học của sinh viên

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2014)

Kết quả ở hình 2 cho thấy, có đến 15% sinh viên được hỏi trả lời rằng họ không bao giờ chủ động tìm ra phương pháp học phù hợp với từng môn học, 19,4% thực hiện hành động này ở mức độ hiếm khi, 40% thỉnh thoảng và 25,6% sinh viên thường xuyên thực hiện hành động này. Như vậy, có khoảng  $\frac{3}{4}$  sinh viên tham gia khảo sát vẫn chưa thực sự chủ động, tích cực tìm ra cho mình những phương pháp học hiệu quả, phù hợp với từng môn học. Kết quả xử lý tương quan cũng không cho thấy rõ sự khác nhau về việc tìm phương pháp học tập phù hợp với từng môn học ở các nhóm sinh viên khác nhau.

Số liệu điều tra thực tế này cũng tương tự với kết quả của một nghiên cứu ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội, khi khảo sát này cho biết có đến 64% sinh viên còn mơ hồ về phương pháp học và chỉ có 36% cho rằng mình đã tìm được những phương pháp học phù hợp với đặc điểm nhận thức của cá nhân [8, tr. 2].

Quá trình học tập sẽ thiếu khoa học và không hiệu quả nếu sinh viên không biết tự tìm cho mình một phương pháp học tập hợp lý hoặc chỉ biết sử dụng một phương pháp học duy nhất áp dụng cho tất cả các môn học. Vì vậy, trong đào tạo tín chỉ, sinh viên cần phải chủ động, linh hoạt tìm ra phương pháp học sao cho phù hợp với từng môn học cụ thể, phù hợp với điều kiện và chính khả năng của bản thân, có như vậy, việc học mới đạt kết quả cao.

#### 2.4. Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo

N.C.Tsecnusepsxki nhấn mạnh “Khoa học là ở trong sách và trong lao động tự lực của chính mình bỏ ra để tiếp thu được nhiều tri thức từ trong cuộc sống và trong những sách vở ấy”. Cổ thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng nói: “Cái quan trọng không phải là tri thức người thầy mang đến cho người học mà là những sách nào mà người thầy đã chỉ cho họ” [5, tr. 51]. Đọc tài liệu là cơ sở của việc học tập, sinh viên không thể lĩnh hội tri thức một cách khoa học, có hệ thống, toàn diện, sâu sắc và vững chắc nếu không nghiên cứu sách.

Để tìm hiểu tính chủ động của sinh viên trong việc nghiên cứu giáo trình, tài liệu, tác giả đã khảo sát ở 3 dạng hành vi: đọc giáo trình, tài liệu do giảng viên hướng dẫn; tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo và tần suất lên thư viện đọc/mượn tài liệu học tập.

*\* Đọc giáo trình, tài liệu do giảng viên hướng dẫn*

Tài liệu, sách vở ở bậc đại học cũng đồ sộ như khối lượng kiến thức cần tiếp thu. Nhằm giúp sinh viên nắm vững nội dung môn học, sau mỗi bài giảng, sau mỗi phần của chương trình dạy học và của mỗi môn học, giáo viên thường chỉ ra những vấn đề cần giải quyết, cần suy nghĩ, tìm hiểu sâu hơn và yêu cầu sinh viên tìm đọc trong giáo trình, đọc thêm các tài liệu tham khảo, hoặc cũng có khi giáo viên chỉ ra tên cuốn sách, thậm chí những nội dung gì cần đọc, trang phải đọc và nên đọc.

Từ những nhiệm vụ này, sinh viên phải tìm ra sách và những tài liệu có liên quan để hoàn thành những yêu cầu đó. Tài liệu mà giáo viên yêu cầu đọc được coi như điều kiện bắt buộc để đảm bảo tính hệ thống và giúp sinh viên hiểu sâu hơn về môn học, về bài giảng mà giáo viên đã trình bày.

**Bảng 3.** Mức độ đọc giáo trình, tài liệu của sinh viên (%)

| TT | Hành vi                                          | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Không bao giờ | Tổng |
|----|--------------------------------------------------|--------------|--------------|----------|---------------|------|
| 1  | Đọc giáo trình, tài liệu do giảng viên hướng dẫn | 27,7         | 40,8         | 23,1     | 8,1           | 100  |
| 2  | Tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo              | 18,0         | 41,9         | 28,7     | 11,4          | 100  |
| 3  | Lên thư viện mượn/đọc tài liệu học tập           | 23,0         | 32,9         | 31,9     | 11,6          | 100  |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2014)

Kết quả xử lý số liệu ở bảng 3 cho thấy, chỉ có 27,7% sinh viên thực hiện hành vi này ở mức thường xuyên, còn phần lớn, sinh viên làm việc này theo cảm hứng, lúc có lúc không (40,8% cho rằng họ chỉ thỉnh thoảng mới tìm đọc tài liệu do giáo viên hướng dẫn, 23,1% thực hiện ở mức hiếm khi). Đặc biệt, có 8,1% sinh viên không bao giờ đọc tài liệu do giáo viên hướng dẫn.

Thông tin từ phỏng vấn sâu đã cho thấy rõ hơn về điều này “Thầy cô cũng có giới thiệu tài liệu về nhà cho tụi em đọc nhưng ở lớp em thì cũng chỉ có một vài bạn tìm đọc thôi, còn nhiều bạn vẫn lười đọc sách. Nếu môn nào thầy cô khó thì còn cố mà tìm đọc, còn những môn nào mà dễ dễ thì hầu như không đọc luôn” (Sinh viên, nam, Công tác xã hội K37). Một số giảng viên cũng phản ánh về thực trạng “lười” đọc của sinh viên “Sinh viên hiện nay nhiều em rất lười đọc sách, có nhiều hôm mình đã dặn kỹ là về nhà nhớ phải đọc tài liệu nào, từ trang nào đến trang nào, thế mà đến buổi học sau hỏi thì hầu như rất ít các bạn tìm đọc. Có một số lớp mình phải cho sinh viên nghỉ luôn buổi học đó vì không chịu đọc sách” (Giảng viên, nữ, Khoa Ngữ văn).

Rõ ràng, một hành vi mà đối với người học dường như là điều kiện “cần” như vậy nhưng phần lớn sinh viên trong mẫu khảo sát vẫn tỏ ra thờ ơ và ít quan tâm, điều này đã phản ánh phần nào thái độ thiếu tích cực và thói quen “lười” đọc của không ít sinh viên hiện nay.

*\* Tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo*

Sau khi đọc giáo trình và những tài liệu bắt buộc, sinh viên cần đọc thêm những sách tham khảo vì trong đó sẽ cung cấp cho người học những luận cứ bổ sung, những ví dụ minh họa giúp người học mở rộng thêm kiến thức, hiểu sâu hơn về vấn đề đang học, đồng thời nó còn giúp người học phát hiện thêm những quan điểm khác và sự việc mới đối với những vấn đề đang học, đang nghiên cứu.

Kết quả xử lý số liệu ở bảng 2 cho thấy, có 11,4% sinh viên không bao giờ đọc tài liệu tham khảo, phần lớn sinh viên được hỏi đều tự đánh giá mình thực hiện hành vi này ở mức thỉnh thoảng (41,9%), và hiếm khi (28,7%), chỉ có 18% sinh viên thường xuyên chủ động tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo.

Một khi mà giáo trình bắt buộc sinh viên còn chưa chịu đọc thì việc chủ động đọc thêm tài liệu tham khảo có lẽ là một hành vi khó thực hiện. Số liệu trên đã chứng tỏ rằng, phần lớn sinh viên trường Đại học Khoa học hiện rất “lười” đọc thêm sách, tài liệu để mở rộng kiến thức, đào sâu suy nghĩ. Một nữ sinh viên cho biết “*Em chủ yếu học trong giáo trình và bài giảng của thầy cô. Có nhiều bạn lớp em còn không chịu mua giáo trình để học nữa chứ nói chi là đọc thêm sách, tài liệu khác*” (Sinh viên, nữ, Hoá học K36). Một giảng viên cũng phản ánh rằng: “*Việc số đông sinh viên mình ít đọc có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nhưng nói chung họ rất thụ động trong việc đọc. Thụ động bởi sinh viên chỉ đọc khi được giảng viên yêu cầu thuyết trình về một đề tài, viết một bài tiểu luận hoặc khi được khuyến khích bởi một người khác về một cuốn sách hay nào đó, tức chỉ khi bị áp chế hoặc được truyền cho niềm tin thì họ mới đổ xô đi đọc. Họ chưa có thói quen đọc một cách chủ động, đọc theo nhu cầu hoặc sở thích*” (Giảng viên, nữ, khoa Ngữ văn).

Không có nhu cầu và không chịu khó tìm đọc sách, tài liệu dường như là một thực tế chung của sinh viên nhiều trường đại học, cao đẳng hiện nay. Rất nhiều nghiên cứu đã cho thấy điều này, trong một điều tra về hoạt động tự học của sinh viên trường Đại học Tôn Đức Thắng, tác giả Nguyễn Duy Tâm cũng đã chỉ rõ: “*Mặc dù sách tham khảo đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể ở từng nội dung bài học nhưng khi được hỏi về việc này, số đông sinh viên đều lúng túng. 85% cho rằng họ “có đọc” nhưng chỉ một số cuốn sách chuyên ngành khi phải thuyết trình, báo cáo hay làm bài kiểm tra, 15% còn lại cho rằng họ không đọc tài liệu tham khảo*” [7, tr.1]. Tương tự, kết quả khảo sát trên sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội cũng cho thấy, có 41,1% sinh viên học chủ yếu từ vở ghi, giáo trình và ít có thời gian tìm đọc những tài liệu tham khảo; 31,4% số sinh viên được khảo sát cho rằng các chiến lược học của mình hướng vào việc nắm kiến thức hơn là phát triển các năng lực tư duy [8, tr. 1].

*\* Lên thư viện đọc/mượn tài liệu học tập*

Hai nhiệm vụ chính của bất kì một trường Đại học nào cũng là dạy học để truyền bá tri thức và nghiên cứu khoa học để sáng tạo ra tri thức mới, cả hai nhiệm vụ này đều có liên quan mật thiết đến Thư viện.

Sinh viên lên lớp học tập, bên cạnh giáo trình chính thức bắt buộc phải có, giảng viên còn yêu cầu người học tham khảo một số lượng lớn tài liệu khác có liên quan đến môn học để mở mang nhận thức, bao gồm cả tài liệu in và tài liệu trên mạng. Chắc chắn sinh viên sẽ không đủ khả năng tài chính để mua tất cả về tham khảo. Và khi đó, thư viện sẽ là nơi cung cấp đầy đủ cho người học nguồn sách vở và cả hệ thống máy tính nối mạng để truy cập tìm tài liệu khi cần thiết. Không chỉ sinh viên, ngay cả giảng viên trong quá trình giảng dạy cũng đều phải tìm đến thư viện để tham khảo các tài liệu có liên quan. Vô hình chung, hoạt động dạy học giữa giảng viên và sinh viên sẽ không diễn ra tốt đẹp nếu không có sự tiếp sức của thư viện.

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, có 11,6% sinh viên không bao giờ lên thư viện đọc/mượn tài liệu; 31,9% hiếm khi, 32,9% thỉnh thoảng và chỉ có 23% sinh viên lên thư viện đọc/mượn tài liệu học tập một cách thường xuyên.

Khi sinh viên còn “lười” đọc sách, giáo trình, chưa tích cực tìm xem các tài liệu tham khảo như đã chỉ ra ở trên thì việc họ ít chủ động đến thư viện mượn các tài liệu để phục vụ cho việc học là một điều dễ hiểu. Một giảng viên cho biết: *“Đọc sách chưa là thói quen của đa số sinh viên hiện nay và thư viện vẫn chưa phải là nơi sinh viên thường xuyên tìm đến để bổ sung kiến thức. Thông thường, khi giáo viên yêu cầu thuyết trình, làm đề tài thì sinh viên mới đến thư viện mượn sách, còn khi xong việc thì khỏi đến”* (Giảng viên, nam, khoa Hoá học).

Một khảo sát về thực trạng sử dụng thư viện của sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh cũng đã phản ánh kết quả tương tự. Trong 250 sinh viên được hỏi, chỉ có 27,4% sinh viên thường xuyên lên thư viện, còn lại phần lớn là thỉnh thoảng hoặc rất ít khi lên thư viện. Đáng chú ý là có đến 17,8% sinh viên khẳng định rằng mình chưa bao giờ lên thư viện [6, tr. 1]. Hay ở trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai, nơi có hơn 2.700 sinh viên đang theo học, cũng *“chỉ có hơn 100 lượt sinh viên đến thư viện của trường mỗi ngày, ngày thi có khá hơn một chút, có 200-300 lượt sinh viên đọc. Như vậy, ở thời điểm đông nhất, tỷ lệ cũng chỉ chưa đến 10%”* [6, tr. 1].

Dĩ nhiên, cũng có nhiều nguyên nhân khiến hiện nay, sinh viên có tâm lý lười đến thư viện đọc/mượn sách. Đầu tiên phải kể đến là ngày nay văn hóa nghe nhìn đã lấn át văn hóa đọc. Các thiết bị nghe nhìn hiện đại như: điện thoại di động, máy nghe nhạc MP3, máy xem phim MP4, internet... đang rất phổ biến và tiếp cận sâu rộng trong giới trẻ. Sự tiện ích của các phương tiện trên đã làm cho sinh viên dần dần lười đọc sách. Nhiều sinh viên cho rằng: *“Tất cả nằm ở internet, cứ “enter” sẽ có tất cả, không cần phải tra cứu sách”* (Sinh viên, nam, Hóa học K37). Nguyên nhân thứ hai khiến nhiều sinh viên quay lưng với văn hóa đọc là sự bận rộn. Học, làm thêm, giải trí và cả thời gian để làm rất nhiều việc không tên khác nữa đã chiếm hết quỹ

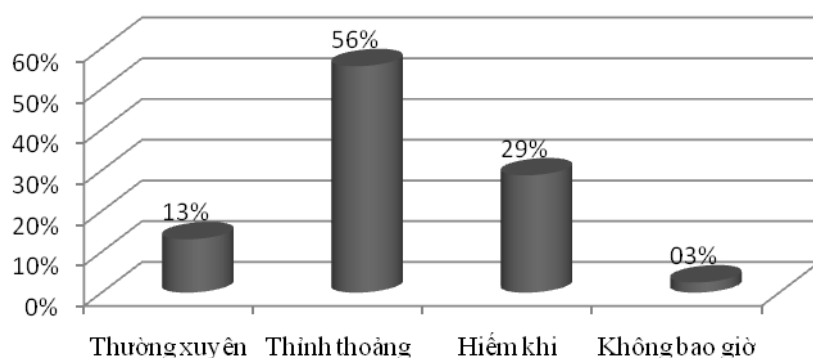
thời gian của họ. Đọc chắp vá ở đâu đó hoặc copy những bài viết có sẵn từ internet khi làm bài là một thực tế đang diễn ra phổ biến trong sinh viên hiện nay. Một nguyên nhân nữa là do cách học từ thời kỳ học phổ thông cho đến đại học, cao đẳng chưa tạo cho sinh viên thói quen đọc sách. Cách học theo mẫu rập khuôn, khô cứng, gò bó, dạy học theo kiểu đọc chép đã triệt tiêu nhu cầu, khả năng đọc sách của sinh viên. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của thư viện cũng như thái độ của thủ thư và giờ giấc hoạt động của thư viện chưa hợp lý cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc sinh viên hứng thú đến thư viện mượn, đọc sách.

Vẫn biết rằng, trong thời đại công nghệ thông tin phát triển như hiện nay, ngoài thư viện, sinh viên có thể lựa chọn kênh thông tin từ những nguồn khác nhau. Thế nhưng, cho dù phương tiện nghe nhìn hiện đại đến đâu cũng không thể thay thế cho việc đọc sách của con người. Văn hóa đọc vừa là cách tiếp cận thông tin, cách học tập, lĩnh hội tri thức bền vững, vừa là một nét văn hóa lâu đời gắn liền với con người. Sách luôn là người thầy vĩ đại, người bạn trung thành và gần gũi nhất của con người. Chắc chắn rằng, sẽ không có sinh viên không đọc sách mà có kiến thức sâu rộng và giàu các kỹ năng học tập cũng như kỹ năng sống. Do đó, nếu quá lạm dụng những kênh thông tin khác, nếu “lười” đọc, sinh viên sẽ bỏ lỡ một kho tàng tri thức rất có giá trị từ nguồn sách tham khảo.

## 2.5. Chuẩn bị bài trước khi đến lớp

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, bao gồm cả việc ôn lại bài cũ và chuẩn bị bài mới, là công việc rất cần thiết đối với quá trình học. Việc chuẩn bị cho bài học sắp tới bằng tài liệu học tập đã có hay bằng các phần ghi trước sẽ giúp cho người học dễ dàng nắm bắt được trọng tâm và nhanh chóng tiếp thu bài học mới. Ngoài ra, cũng bằng cách chuẩn bị như vậy, sẽ tạo điều kiện cho người học sắp xếp lại nội dung bài giảng một cách trọng tâm theo cách riêng của mình, đồng thời làm tăng hứng thú học tập.

Thực tế, sinh viên Đại học Khoa học đã thực hiện việc chuẩn bị bài trước khi đến lớp như thế nào?



**Hình 3.** Mức độ sinh viên chuẩn bị bài trước khi đến lớp

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2014)

Quan sát hình 3 cho thấy, trong số 160 sinh viên được hỏi, chỉ có 13,1% sinh viên thường xuyên chuẩn bị bài trước khi đến lớp, còn lại phần lớn thực hiện hành vi này ở mức độ thỉnh thoảng (55,6%). 28,8% hiếm khi và 2,5% sinh viên không bao giờ chuẩn bị bài trước khi đi học.

Tình trạng sinh viên hết giờ về nhà bỏ cặp sách một chỗ, đến giờ hôm sau lại xách đi và hầu như không bao giờ mở ra xem ngày mai học bài gì đang là một thực tế khá phổ biến. *“Trừ những buổi có bài thuyết trình ai được giao nhiệm vụ lên thuyết trình thì chuẩn bị chứ hầu như sinh viên rất ít xem bài trước khi đi học. Vì thấy cô không kiểm tra bài cũ như hồi học cấp 3 nên bọn mình cũng khá thoải mái”* (Sinh viên, nữ, Khoa học môi trường K36). *“Nhìn chung sinh viên hầu như rất ít người xem bài trước khi đến lớp, mà nếu có học bài thì cũng không tuân theo một quy luật nào cả, thời gian ôn bài cũ cũng rất ít, ngẫu hứng, chưa thật sự tập trung và không có phương pháp học cụ thể. Khi giáo viên kiểm tra bài tập, nhiều sinh viên mượn bài của bạn chép lại nên cũng không biết mình chép đúng hay sai”* (Giảng viên, nam, khoa Hoá học).

Theo GS. TS. Trần Bá Hoành và GS. TS. Vũ Văn Tào: *“Đổi mới việc dạy phải đi song song với đổi mới việc học”* [4, tr. 14]. Sinh viên là đối tác của việc dạy, là chủ nhân của việc học. Nếu sinh viên đến trường dự học mỗi tiết học bắt đầu từ *“mốc số không”*, vào giờ mới bắt đầu khởi động thì đó là học tập bị động, kém chủ động. Nếu muốn hiểu sâu về bài học, sinh viên cần phải học tập chu đáo, chuẩn bị bài, học trước bài ở nhà, đến lớp sẽ học tập trong tâm thế chủ động, không phải mất thời gian vào *“làm quen”* với bài học mới. Khi đó, sinh viên mới có thể nhanh chóng nắm bắt kiến thức mới, có thể dễ dàng hơn khi trả lời các câu hỏi của giảng viên so với khi chưa suy nghĩ, chưa tiếp cận vấn đề, có thể tự trình bày những nội dung đã nghiên cứu trước ở nhà và có thể phân biện các nội dung của bạn trình bày...Tuy nhiên, kết quả điều tra trên đã phản ánh một thực tế rằng, phần lớn sinh viên trường đại học Khoa học Huế hiện nay chưa tự giác, chưa chủ động trong việc chuẩn bị bài vở trước khi đến giảng đường. Điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp nhận kiến thức trên lớp và kết quả học tập của sinh viên.

### 3. KẾT LUẬN

Tính tích cực, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập là bước quan trọng của quá trình học. Điều này vừa là yếu tố phản ánh vai trò chủ thể của sinh viên trong hoạt động nhận thức vừa là điều kiện góp phần tạo ra kết quả học tập thực sự của người học, đáp ứng mục tiêu chất lượng trong giáo dục đại học.

Qua những phân tích trên đã cho thấy, phần lớn sinh viên trường Đại học Khoa học còn tỏ ra khá thụ động trong quá trình xây dựng kế hoạch học tập như: tính tự giác lập thời gian biểu học tập còn thấp; việc dành thời gian cho tự học và đọc tài liệu, giáo trình còn hạn chế; chưa chủ động, tích cực trong việc tìm ra phương pháp học phù hợp và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

Xét ở góc độ của triết lý giáo dục, đào tạo tín chỉ là lấy người học làm trung tâm, phát huy tinh thần tự học của sinh viên nhưng qua nghiên cứu đã cho thấy người học vẫn chưa thực sự xem mình là trung tâm của quá trình đào tạo. Thái độ và phương pháp học tập của sinh viên như vậy có thể đáp ứng với yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ hiện nay không? Đó là một câu hỏi đang tiếp tục đặt ra cho các nhà quản lý giáo dục. Tuy nhiên, tính tích cực học tập của sinh viên là một trong những phẩm chất tâm lý có cấu trúc đặc thù và có thể bị thay đổi theo những chiều hướng khác nhau thông qua tác động của các yếu tố có liên quan đến môi trường hoạt động học tập của sinh viên. Vì vậy, việc tối ưu hóa các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực học tập của sinh viên trên cơ sở vận dụng các giải pháp quản lý môi trường và quản lý hoạt động đào tạo là cần thiết và có thể khả thi. Do đó, để giúp sinh viên nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập nói chung và trong xây dựng kế hoạch học tập nói riêng, thiết nghĩ, cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

*\* Đối với Trường, Khoa/Bộ môn, Phòng/Ban chức năng*

Nhà trường cần đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống đào tạo theo học chế tín chỉ, thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi phương pháp học ở các cấp bậc khác nhau nhằm nâng cao kỹ năng học tập của sinh viên; Các Khoa/Bộ môn cần tăng số lượng các môn học tự chọn, cung cấp thông tin đầy đủ liên quan đến mỗi môn học để sinh viên có thể chủ động linh hoạt xây dựng lộ trình học tập cho mình; Cố vấn học tập cần hoạt động tích cực, năng động, gần gũi hơn với sinh viên để hướng dẫn cho sinh viên hiểu rõ chương trình học, tư vấn cho sinh viên xây dựng một kế hoạch học tập phù hợp với bản thân; Thư viện trường phải nhanh chóng hoàn thiện cơ sở dữ liệu các môn học, phát triển mạnh các sản phẩm và dịch vụ thông tin điện tử, tăng cường chất lượng kho tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo hẹp, hướng dẫn sinh viên tra cứu tìm thông tin thành thạo bằng cả phương tiện truyền thống và hiện đại. Ngoài các điều kiện về cơ sở vật chất, khi xem xét các điều kiện phục vụ hoạt động học tập của sinh viên, các nhà quản lý cũng cần quan tâm tới các điều kiện phục vụ, thái độ phục vụ sinh viên của các bộ phận chuyên trách, các chính sách hỗ trợ của nhà trường để tạo cho sinh viên một môi trường học tập tốt nhất.

*\* Đối với giảng viên:*

Giảng viên cần giúp sinh viên tham gia tích cực vào quá trình học, cải thiện sự thụ động bằng cách: Hướng dẫn sinh viên tư duy phản biện, cách suy nghĩ phê phán, suy nghĩ theo lối tích cực, nhìn vấn đề dưới nhiều chiều cạnh. Giúp sinh viên hiểu một cách sâu sắc về mục đích của môn học, từ đó có phương pháp học cũng như thái độ học tập tích cực, phù hợp; Giảng viên cần vận dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau tùy vào tình huống cụ thể nhằm phát huy tối đa tính tích cực chủ động và sáng tạo cho sinh viên trong quá trình học tập.

*\* Đối với bản thân sinh viên*

Sinh viên là chủ thể của hoạt động học, là trung tâm của quá trình đào tạo, do đó, để nâng cao tính tích cực, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập, sinh viên cần phải: Xác định rõ ràng mục đích và động cơ học tập của mình để không có thái độ buông thả trong quá

trình học tập; Thay đổi phương pháp học "truyền thống" là "nghe, chép và học thuộc" bằng cách tích cực tham gia đóng góp xây dựng bài, phát biểu ý kiến hoặc tham gia tranh luận trong nhóm, liên hệ những kiến thức được học với thực tế, hoặc tìm cách áp dụng vào thực tế; Trau dồi những kỹ năng học tập cần thiết, đặc biệt là kỹ năng đọc, lọc thông tin, tra cứu thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình; Tăng cường giờ học ở nhà và thư viện; Chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu học tập, chuẩn bị bài trước khi đến lớp cũng như tích cực tham gia xây dựng nội dung bài học, các buổi thảo luận và làm việc nhóm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
- [2]. Đào Ngọc Cảnh, Huỳnh Văn Đà, (2012), Nâng cao tính chủ động của sinh viên- giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng trong đào tạo theo học chế tín chỉ, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ*, Số 22b, tr.71-79.
- [3]. Trần Văn Hiếu (2002), *Xây dựng và rèn luyện hệ thống kỹ năng tự học cho sinh viên*, Đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, Mã số B2000-09-46
- [4]. Trần Bá Hoàng, Phó Đức Hoà (2003), *Áp dụng dạy và học tích cực trong môn tâm lý giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
- [5]. Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên), Nguyễn Kỳ, Lê Khánh Bằng, Vũ Văn Tảo (2002), *Học và dạy cách học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
- [6]. Nguyễn Tiến Dũng, *Sinh viên ngày nay với văn hoá đọc*, <http://phiatriuoc.info/sinh-vien-ngay-nay-voi-van-hoa-doc/>, truy cập ngày 21/12/2014
- [7]. Hoàng Bảo, *Hoạt động tự học của sinh viên khi trường chuyển sang đào tạo tín chỉ*, <http://www.hmtu.edu.vn/PortletBlank.aspx/FC1F578283A84D1A837D1E53DAFE3AD3>
- [8]. Mai Minh, *Hơn 50% sinh viên không... hứng thú học tập*, <http://dt.ush.edu.vn/tai-lieu-tham-khao/hon-50-sinh-vien-khong%E2%80%A6hung-thu-hoc-tap>, truy cập ngày 5/6/2014
- [9]. Mỹ Quyên, *Sinh viên phải chủ động trong học chế tín chỉ* <http://www.thanhnien.com.vn/giao-duc/sinh-vien-phai-chu-dong-trong-hoc-che-tin-chi-45391.html>, truy cập ngày 3/11/2014
- [10]. Võ Nữ Hải Yến (2015), *Thực trạng và giải pháp nâng cao tính chủ động của sinh viên trong đào tạo tín chỉ ở trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

**THE ACTIVENESS IN MAKING THE STUDY PLAN OF STUDENTS  
OF HUE UNIVERSITY COLLEGE OF SCIENCES AT PRESENT**

**Vo Nu Hai Yen**

*Department of Sociology, Hue University College of Sciences*

*Email: haiyen.xhh@gmail.com*

**ABSTRACT**

*Making the study plan is a very important and necessary skill for everyone, especially in training in line with the credit system at present. The study plan includes many activities such as scheduling; finding suitable learning methods; reading textbooks and reference materials; preparing for lessons before class; take time for self-study.... The research results showed that the majority of students of Hue University College of Sciences have not been positive, quite passive in the process of making learning plans. To help students increase the activeness in making study plan, it is necessary to make the efforts from many sides, for instance, from the learners themselves, the teaching methods and evaluation of teachers to the management of faculties, departments in the university.*

**Keyword:** *positive, study plan, students.*